

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01** /2021/DS- ST

Ngày: 05/3/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Huy Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Ngọc Tân

Bà Nguyễn Thị P

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Linh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST – DS, ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị O, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1971

Chị Phạm Thị M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(có mặt chị O, vắng mặt anh P, chị M)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị O trình bày:*

Năm 2016 vợ chồng anh Nguyễn Văn P và Chị Phạm Thị M, địa chỉ: Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình làm ăn khó khăn trong kinh tế nên đã nhiều lần đến gặp chị hỏi vay tiền. Do quan hệ giữa anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Đức Vinh (chồng chị O) là anh em họ. Chị O đã tin tưởng và cho vay lần đầu với số tiền là 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*). Năm 2017 vợ chồng anh P và chị M lại tiếp tục nhiều lần đến vay tiếp. Chị O lại tiếp tục cho vay với số tiền 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng*). Các lần vay không có người làm chứng, không có giấy tờ vay, lãi xuất tính theo lãi xuất ngân hàng tại thời điểm vay, không ấn định thời hạn trả.

Ngày 30/01/2018 (âm lịch) chị O thấy vợ chồng anh P, chị M vay tiền đã đến hạn trả nợ mà không trả nợ. Chị O đã viết giấy chốt toàn bộ số tiền mà anh P, chị M đã vay với tổng số tiền là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng chẵn*) có chữ ký của anh P, chị M. Quan điểm của chị O là yêu cầu anh Nguyễn Văn P và Chị Phạm Thị M phải trả chị số tiền gốc là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) theo giấy nhận nợ đã ký vào ngày 30/01/2018 (âm lịch) có cả chữ ký của anh Nguyễn Văn P và Chị Phạm Thị M. Chị O không yêu cầu anh P, chị M phải trả lãi suất kể từ khi vay cho đến thời điểm xét xử. Về P án trả nợ như anh P đưa ra là năm 2020 trả 70.000.000 đồng, số còn lại trả vào 03 năm tiếp theo, chị không nhất trí.

Số tiền 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) mà anh P, chị M đã nhận nợ ngày 30/01/2018 (âm lịch) là số tiền của chị O không liên quan gì đến chồng chị là anh Nguyễn Đức Vinh, sinh năm 1981. Địa chỉ tại Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*Anh Nguyễn Văn P là bị đơn vắng mặt nhưng đã có bản khai với nội dung:* Anh thừa nhận chữ ký và chữ viết “Nguyễn Văn P” trong giấy ghi nợ ngày 30/01/2018 (âm lịch) với số tiền 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) là đúng chữ ký và chữ viết của anh. Anh P đã nhận tiền vào các năm 2016; năm 2017 và chuyển khoản vào ngày 22/08/2017 nhưng không có chứng cứ lưu lại việc nhận tiền này. Anh đồng ý trả chị O 530.000.000 đồng theo P án trả nợ là năm 2020 trả 70.000.000 đồng, số còn lại trả vào 03 năm tiếp theo.

*Chị Phạm Thị M là bị đơn vắng mặt nhưng đã có bản khai và trong Biên bản lấy lời khai chị M trình bày:* Chị M thừa nhận chữ ký và chữ viết “Phạm Thị M” trong giấy chốt nợ ngày 30/01/2018 (âm lịch) với số tiền 530.000.000

đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) là đúng chữ ký và chữ viết của chị. Chị M và anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là vợ chồng. Chị M và anh P có quan hệ với vợ chồng anh Nguyễn Đức Vinh và chị Ngô Thị O là họ hàng. Vào thời điểm cuối năm 2018 anh P có vay tiền của chị O (vợ anh Vinh) việc vay mượn làm nhiều lần và có tính lãi suất theo lãi xuất ngân hàng tại thời điểm vay, các lần vay đó thì chị M không ký vào giấy vay tiền mà chị O chỉ đưa tiền cho nhau. Chị M có nhận 02 lần bằng tiền mặt, cụ thể là 01 lần 20.000.000 đồng và 01 lần 50.000.000 đồng, chị không nhớ thời gian cụ thể. Khi chị M nhận tiền cũng không ký vào giấy nhận tiền mà chỉ đến khi chốt nợ mới đến ký vào sổ vay tiền do chị O lập. Còn lại các lần khác thì do chồng chị là anh P nhận. Việc chị O khởi kiện đòi vợ chồng anh P chị M phải trả số tiền 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) quan điểm của chị M là chỉ trả số tiền gốc 530.000.000 đồng, còn lại tiền lãi thì anh P và chị M không có khả năng trả. Việc tính lãi suất chị M không biết cụ thể là bao nhiêu, trường hợp chị O không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 530.000.000 đồng chị M không có ý kiến gì. Đối với bản khai mà anh P đã trình bày tại Tòa án số tiền cụ thể mà anh P đã nhận, chị M không có ý kiến gì. Về án trả nợ mà anh P đã trình bày là năm 2020 trả 70.000.000 đồng, số còn lại trả vào 03 năm tiếp theo quan điểm của chị M là đồng ý với ý kiến của anh P.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là chị M và anh P vắng mặt tại phiên tòa do đó Viện kiểm sát không phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của bị đơn.

- *Về nội dung:*

Áp dụng các Điều 116, 117, 118, 119, Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Ngô Thị O: Buộc Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P phải trả toàn bộ số tiền gốc là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*), chị O không yêu cầu chị M và anh P phải trả lãi suất về khoản tiền đã vay do đó không xem xét. Về án phí: Chị M và anh P chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại chị O số tiền tạm ứng án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Chị Ngô Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P có địa chỉ tại thôn Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Tại phiên tòa ngày 05/02/2021, Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai (ngày 05/3/2021), Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P là đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1971 và Chị Phạm Thị M, sinh năm 1976 (là bị đơn) cung cấp cho Tòa án các biên bản giao nhận tiền vào các năm 2016; năm 2017 và các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giao nhận tiền hoặc chứng từ liên quan đến việc chuyển khoản vào ngày 22/08/2017 như anh P trình bày trong bản tự khai nhưng anh P và chị M không cung cấp được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giải quyết là đúng thẩm quyền. Xét xử vắng mặt Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P là đúng quy định.

*[2] Áp dụng pháp luật giải quyết:* Hợp đồng vay tài sản giữa chị Ngô Thị O với Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P được ký kết vào ngày 30/01/2018 (*âm lịch*), thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các các Điều 116, 117, 118, 119 Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

### *[3] Về nội dung:*

*[3.1] Về yêu cầu trả nợ gốc:* Chị Ngô Thị O yêu cầu Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P phải trả số tiền 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*). Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị M và anh P thừa nhận có vay của chị Ngô Thị O với số tiền 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*), các bên có biên bản chốt nợ vào ngày 30/01/2018 (*âm lịch*), có chữ viết và chữ ký của chị M và anh P. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên chị M, anh

P chưa trả được. Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của chị O về việc buộc chị M và anh P phải trả số tiền gốc là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*).

[3.2] *Đối với yêu cầu lãi suất:* Chị O không yêu cầu chị M và anh P phải trả lãi suất kể từ khi vay đến thời điểm xét xử đối với khoản tiền vay 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*), do đó không xem xét giải quyết về lãi suất theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Ngô Thị O được chấp nhận cho nên bị đơn Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Cần trả lại chị O số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số seri: AA/2020 số 0004574 ngày 16/10/2020 với số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử***

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị O về việc buộc Chị Phạm Thị M, sinh năm 1976 và anh Nguyễn Văn P sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phải trả số tiền 530.000.000 đồng (*năm trăm ba mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về lãi suất: Chị Ngô Thị O không yêu cầu Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P phải trả lãi suất kể từ khi vay đến thời điểm xét xử đối với

khoản tiền vay 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*). Do đó không xét.

3. Về án phí: Buộc Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P phải chịu 25.200.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả trả lại chị Ngô Thị O số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số seri: AA/2020 số 0004574 ngày 16/10/2020 với số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị O có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2021). Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận**

- Đường sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huy Hoàng**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ... giờ ..... phút, ngày 05 tháng 3 năm 2021

Tại Phòng nghị án Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Ngọc Tân*

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST- DS, ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

- *Nguyên đơn: Chị Ngô Thị O, sinh năm 1984.*

Địa chỉ: Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1971*

Chị Phạm Thị M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

***I. Về Điều luật áp dụng:***

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3.

***II. Các vấn đề quyết định:***

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị O về việc buộc Chị Phạm Thị M, sinh năm 1976 và anh Nguyễn Văn P sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Lam C2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phải trả số tiền 530.000.000 đồng (*năm trăm ba mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về lãi suất: Chị Ngô Thị O không yêu cầu Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P phải trả lãi suất kể từ khi vay đến thời điểm xét xử đối với



khoản tiền vay 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*). Do đó không xét.

**3. Về án phí:** Buộc Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P phải chịu 25.200.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả trả lại chị Ngô Thị O số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số seri: AA/2020 số 0004574 ngày 16/10/2020 với số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**4. Quyền kháng cáo:** Chị Ngô Thị O có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2021). Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Biểu quyết: 3/3**

Nghị án kết thúc vào hồi       giờ       phút, ngày 05 tháng 3 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**Trần Huy Hoàng  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2020/QĐST- DS

*Quỳnh Phụ, ngày 24 tháng 7 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
HOÃN PHIÊN TÒA**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**



*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Huy Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Phạm Ngọc Túy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020 /TLST-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2020 về "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 6 năm 2020;

Xét thấy: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tươi và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy Trường. Địa chỉ: Thôn Đông Thành, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST - DS ngày 25 tháng 02 năm 2020.

**2.** Thời gian địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa mở lại vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày **21** tháng **8** năm 2020

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

**Nơi nhận:**

- Bà Tươi, anh Trường;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huy Hoàng**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ... giờ ..... phút, ngày 24 tháng 7 năm 2020

Tại Phòng nghị án Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

**- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Huy Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Phạm Ngọc Túy  
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST- DS, ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

***Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.***

Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Minh Nguyệt, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ, theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tiến Dũng; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ, theo Quyết định ủy quyền số: 265A/QĐ-NHCS ngày 05 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc PGD Ngân hàng CSXH huyện Quỳnh Phụ

Địa chỉ: Số 35, đường Nguyễn Quang Cáp, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

*Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tươi, sinh năm 1969*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Duy Trường, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn Phụng Công, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

### ***I. Về Điều luật áp dụng:***

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Biểu quyết: 3/3.

### ***II. Các vấn đề quyết định:***

1. Hoàn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST - DS ngày 25 tháng 02 năm 2020.

2. Thời gian địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa mở lại vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày **21** tháng **8** năm 2020

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

**Biểu quyết: 3/3**

Nghị án kết thúc vào hồi        giờ        phút, ngày 21 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huy Hoàng**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN HUY HOÀNG**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**  
**TOÀ**

**BÁO CÁO**

**Đề xuất giải quyết vụ án dân sự**

Hôm nay, hồi.....giờ.....phút, ngày ..... tháng .... năm 2020, tại VKSND huyện Quỳnh Phụ, với thành phần gồm:

1. Đồng chí: Nguyễn Đình Anh – Phó Viện trưởng duyệt án.
2. Đồng chí:.....
3. Đồng chí:.....

Cùng nghe đồng chí Nguyễn Thị Lan Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ được phân công nghiên cứu, đề xuất giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Thắng – chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Minh Nguyệt – Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Quỳnh Phụ. Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Tiến Dũng – chức vụ: Phó giám đốc, theo Quyết định ủy quyền số 256A/QĐ-NHCS ngày 05/10/2019 của Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ.

**Bị đơn:** bà Nguyễn Thị Tươi, sinh năm 1969

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Duy Trường, sinh năm 1991 (con trai)

Đều ở địa chỉ: thôn Phụng Công, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết theo thông báo về việc thụ lý vụ án số 06 ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04 ngày 25/6/2020. Mở phiên tòa ngày 24/7/2020. Thẩm phán: ông Trần Huy Hoàng. Thư ký: Bà Phạm Thị Thu.

## **I. NỘI DUNG VỤ ÁN**

### **1. Nội dung vụ án:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, lời khai của ông Nguyễn Tiến Dũng - đại diện nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được, nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị Tươi có quan hệ tín dụng với Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ (NHCSXH), cụ thể: Ngày 26/8/2015 bà Nguyễn Thị Tươi có địa chỉ tại thôn Phụng Công, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, được Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) do ông Nguyễn Thế D O làm tổ trưởng, thuộc Đoàn thanh niên xã An Ấp là đơn vị nhận ủy thác vốn vay trực tiếp quản lý, bình xét cho vay chương trình tín dụng Hộ cận nghèo và đã được UBND xã An Ấp phê duyệt, đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Quỳnh Phụ cho vay đối với chương trình vay hộ cận nghèo, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 45.000.000đ. Mục đích vay: chăn nuôi bò sinh sản.
- Lãi suất: 0,66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.
- Thời hạn cho vay là 34 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần.
- Số tiền trả nợ là 15.000.000đ/lần, hạn cuối cùng trả là ngày 19/7/2018. Lãi tiền vay được trả định kỳ vào ngày 19 hằng tháng.

Bà Tươi đứng tên chủ hộ vay, anh Nguyễn Duy Trường ký tên là người thừa kế khoản vay. Bà Nguyễn Thị Tươi vay vốn bằng hình thức tín chấp qua tổ chức Đoàn thanh niên xã An Ấp và có xác nhận của UBND xã An Ấp, không có tài sản bảo đảm.

Sau khi vay vốn, bà Nguyễn Thị Tươi chỉ thực hiện nộp lãi tiền vay 01 kỳ vào ngày 19 tháng 01 năm 2016 với số tiền là 306.900 đồng, chưa trả nợ gốc. Đến ngày 06/02/2020, bà Tươi còn nợ tiền gốc: 45.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 15.674.960 đồng, lãi quá hạn: 1.660.921 đồng, tổng cộng số tiền là: 62.335.881 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi một đồng)

Ngân hàng CSXH đã phối hợp với Chính quyền địa P cùng tổ đồn đốc thu hồi nợ quá hạn, tổ chức Đoàn thanh niên là đơn vị nhận ủy thác cùng ông Nguyễn Thế D O làm tổ trưởng Tổ TK&VV nhiều lần đến nhà, gửi thông báo đồn đốc, gọi điện, làm việc trực tiếp và tạo mọi điều kiện cho bà Nguyễn Thị Tươi bố trí nguồn tiền để trả nợ nhưng đến thời điểm hiện tại bà Nguyễn Thị Tươi vẫn tiếp tục chây ỳ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng.

Tại buổi làm việc với ngân hàng ngày 15/12/2018, bà Tươi cam kết trả nợ cho ngân hàng nhưng sau đó bà Tươi không thực hiện. Tại buổi làm việc với ngân hàng ngày 10/2/2019 hộ bà Tươi không có ai tham gia.

Do bà Tươi và những người liên quan vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã khởi kiện ra TAND huyện Quỳnh Phụ để đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

## **2. Quan điểm của nguyên đơn:**

- Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ khởi kiện ra TAND huyện Quỳnh Phụ, yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

+ Buộc Bà Nguyễn Thị Tươi trả ngay toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng CSXH huyện Quỳnh Phụ, số tiền tạm tính đến ngày 06/02/2020 là: 62.335.881 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi bà Nguyễn Thị Tươi thực trả hết khoản nợ cho NHCSXH. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Tươi không trả được nợ số tiền nêu trên thì các thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Nguyễn Duy Phúc, sinh năm 1967 (là chồng); anh Nguyễn Duy Trường, sinh năm 1991 (là con và người thừa kế) và anh Nguyễn Duy Trung, sinh năm 1994 (là con) phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền là 62.335.881 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Tươi phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến quá trình thực hiện các bước tố tụng tại tòa án.

- Các tài liệu nguyên đơn đã cung cấp:

+ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội,

+ Quyết định số 594/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 05 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thành lập Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ,

- + Quyết định số 7300/QĐ- NHCS ngày 19/09/2013 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án,
- + Quyết định số 256A/QĐ-NHCS ngày 05 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án,
- + Sổ vay vốn: Mã khách hàng 0703230366: 01 bản
- + Giấy đề nghị vay vốn kèm P án sản xuất và kế ước nhận nợ: 01 bản
- + Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ: 01 bản
- + Thông báo danh sách chuyển nợ quá hạn: 01 bản
- + Thông báo thu nợ quá hạn: 01 bản
- + Phiếu chi: 01 bản
- + Phiếu giải ngân: 01 bản
- + Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay đến ngày 16/8/2019: 01 bản
- + Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng CSXH: 01 bản
- + Biên bản làm việc với UBND xã, với hộ vay các ngày 29/6/2018, ngày 20/7/2018, ngày 19/8/2018, ngày 15/12/2018, và ngày 10/02/2019.

## **2. Bị đơn:**

Bà Nguyễn Thị Tươi kể từ khi tòa án thông báo thụ lý vụ án (25/02/2020) đến nay đều vắng mặt tại gia đình. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, tại trụ sở UBND xã An Ấp, tại nhà văn hóa thôn Đông Thành, xã An Ấp. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về sự có/vắng mặt của bà Tươi tại thôn Phụng Công, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ. Cụ thể:

Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2020, ông Vũ Công Nguyên - trưởng công an xã An Ấp xác nhận: Bà Nguyễn Thị Tươi sinh năm 1969, ông Nguyễn Duy Phúc sinh năm 1968, anh Nguyễn Duy Trường sinh năm 1991, anh Nguyễn Duy Trung sinh năm 1994 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Đông Thành, xã An Ấp. Hiện nay, các thành viên trong gia đình không khai báo tạm vắng tại Ban công an xã. Hiện tại, gia đình bà Tươi vẫn có người sinh sống nhưng bà Tươi, ông Phúc đi làm lao động tự do nên chưa gặp được để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà Tươi, ông Phúc đã biết việc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Quỳnh Phụ khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ nhưng bà Tươi vẫn cố tình không chấp hành tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2020, ông Nguyễn Đình Duân – trưởng thôn Đông Thành xác nhận đã giao trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án cho bà Tươi. Bà Tươi thừa nhận về việc vay vốn của Phòng giao dịch NHCSXH huyện Quỳnh Phụ với số tiền vay là 45.000.000 đồng; lãi trong hạn: 15.674.000 đồng và lãi quá hạn. Do điều kiện kinh tế nên bà Tươi chưa có tiền để trả nợ.



Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Duy Trung sinh năm 1994 – con trai ông Phúc, bà Tươi ngày 15/6/2020, anh Trung xác nhận bà Tươi làm nghề phụ xây không rõ địa chỉ cụ thể, ông Phúc đang làm nghề xây dựng ở Hà Nội anh cũng không rõ địa chỉ cụ thể. Anh Trung thừa nhận việc bà Tươi, ông Phúc đã vay vốn của NHCSXH Việt Nam tại Phòng giao dịch huyện Quỳnh Phụ với số tiền là 45.000.000 đồng do bà Tươi ký vay vốn vào ngày 25/8/2015 và được phê duyệt vào ngày 26/8/2015. Nay nếu bà Tươi, ông Phúc không có khả năng trả được số tiền trên thì anh Trung có trách nhiệm liên đới trả cùng bà Tươi, ông Phúc số tiền gốc và lãi trong vòng 01 năm kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi trả nợ xong. Anh Trung cam kết giao tận tay các giấy triệu tập, thông báo thụ lý của Tòa án cho bà Tươi, ông Phúc và anh Trường.

Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Tươi, ông Phúc, anh Trường cũng đều vắng mặt nên không lấy được lời khai của bà Tươi, ông Phúc, anh Trường.

## **II. QUÁ TRÌNH THỤ LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN**

1. Thụ lý vụ án: Ngày 20/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án ngày 25/02/2020 là đúng thẩm quyền, xác định đúng mối quan hệ tranh chấp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS.

2. Tổng đạt các văn bản tố tụng: Tòa án giao các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, tiến hành niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn là đảm bảo quy định tại Điều 171, 175, 179 BLTTDS.

3. Về thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã tiến hành hòa giải lần 1 vào ngày 25/6/2020 nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị TAND huyện Quỳnh Phụ không tiến hành hòa giải. Thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo đúng quy định tại điều 211 BLTTDS

4. Về thu thập chứng cứ: Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về sự có mặt/vắng mặt của bà Tươi tại địa chỉ thôn Phụng Công, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, lấy lời khai của người liên quan. Đây là các biện pháp thu thập chứng cứ của Tòa án và là căn cứ để Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

5. Thời hạn chuẩn bị xét xử và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát: Ngày 25/6/2020, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 09/7/2020 chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát để nghiên cứu, đảm bảo đúng quy định tại điều 203, 220 BLTTDS

6. Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án

kể từ khi thụ lý đến nay, bị đơn đều vắng mặt, người liên quan cũng vắng mặt, không chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

### **III. NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT CỦA KIỂM SÁT VIÊN**

#### **1. Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn của vụ án là bà Nguyễn Thị Tươi có hộ khẩu thường trú tại thôn Phụng Công, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ. Mặc dù bà Tươi vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh với cơ sở thôn và anh Trung, con trai bà Tươi, kết quả: bà Tươi đi làm ăn trên Hà Nội không rõ địa chỉ cụ thể nhưng bà Tươi đi về, vẫn sinh sống tại thôn Đông Thành, xã An Ấp. Không ai trong gia đình bà chuyển đi nơi khác. Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2020, ông Nguyễn Đình Duân – trưởng thôn Đông Thành xác nhận đã giao trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án cho bà Tươi, bà Tươi biết việc ngân hàng khởi kiện đối với bà.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Tươi cư trú thôn Phụng Công, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phải trả số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kèm P án sử dụng vốn vay). Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về áp dụng pháp luật: Ngân hàng và bà Tươi xác lập giao dịch vào ngày 26/8/2015, thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật, do vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Ngân hàng cho bà Tươi vay vốn theo chương trình cho vay hộ cận nghèo, hộ bà Tươi gồm bà Tươi, ông Phúc, anh Trường, anh Trung, trong đó anh Trường ký tên là người thừa kế khoản vay. Tuy nhiên, qua tài liệu thu thập được về nhân khẩu hộ khẩu của gia đình bà Tươi thì hộ bà Tươi có chồng bà Tươi là ông Nguyễn Duy Phúc là chủ hộ, bà Nguyễn Thị Tươi, anh Nguyễn Duy Trường (con trai lớn) và anh Nguyễn Duy Trung (con trai nhỏ). Thời điểm vay, ông Phúc không có văn bản ủy quyền cho bà Tươi đại diện cho hộ gia đình đứng ra vay vốn của ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, do bà Tươi, ông Phúc đều vắng mặt tại gia đình nên Tòa án không lấy được lời khai của ông Phúc, bà Tươi. Do vậy, căn cứ vào quy định về hộ gia đình tại Điều 106, 107 BLDS năm 2005 thì trong hợp đồng tín dụng nêu trên, chỉ có thể xác định bà Tươi vay vốn với tư cách cá nhân và là bị đơn của vụ án, còn anh Trường ký tên người thừa kế khoản vay nên xác định anh Trường là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án xác định ông Phúc và anh Trung là những người liên quan trong vụ án là không đúng.

- Về trình tự, thủ tục giải quyết: đã đảm bảo quy định của BLTTDS.

Như vậy, về tố tụng: Tòa án đã xác định không đúng tư cách của những người tham gia tố tụng.

## **2. Về nội dung:**

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thấy rằng:

*Về yêu cầu trả nợ gốc:* Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản (Sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kèm P án sử dụng vốn vay), thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, P thức trả gốc và lãi vay, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và theo Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đúng quy định tại Điều 389 BLDS 2005. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật vì vậy các bên phải có trách nhiệm với các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Căn cứ vào sổ vay vốn cùng phần phê duyệt của Ngân hàng tại Giấy đề nghị vay vốn kèm P án sử dụng vốn vay xác định: ngày 26/8/2015 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Quỳnh Phụ có cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Tươi vay số tiền 45.000.000đ mục đích là chăn nuôi bò sinh sản. Khi ký kết hợp đồng vay, các bên thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay: 45.000.000đ.
- Lãi suất: 0,66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.
- Thời hạn cho vay là 34 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần.
- Số tiền trả nợ là 15.000.000đ/lần, hạn cuối cùng trả là ngày 19/7/2018. Lãi tiền vay được trả định kỳ vào ngày 19 hằng tháng.

Trong quá trình vay cho đến nay, bà Tươi chưa trả được khoản tiền gốc nào, chỉ thanh toán được 306.900 đồng tiền lãi vào ngày 19/1/2016. Đến ngày 19/7/2018 là thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, bà Tươi không thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Vì bà Tươi đã vi phạm hợp đồng tín dụng, cụ thể vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay nên Ngân hàng có quyền xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của [Luật các tổ chức tín dụng](#). Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Tươi trả số nợ gốc là 45.000.000đ là có căn cứ, được chấp nhận.

*Đối với yêu cầu trả nợ lãi:* Ngày 19/7/2018 là thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà Tươi không thực hiện vì vậy Ngân hàng đã chuyển số nợ trên thành nợ quá hạn từ ngày 19/7/2018. Khi ký kết hợp đồng, các bên thỏa thuận lãi suất là 0,66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Bà Tươi đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi vào ngày 19/1/2016 là 306.900 đồng. Như vậy, số tiền lãi bà Tươi còn nợ tính đến ngày 06/2/2020 là: lãi trong hạn: 15.674.960 đồng, lãi quá hạn: 1.660.921 đồng. Ngân hàng chính sách xã hội

Việt Nam yêu cầu bà Tươi phải trả số tiền lãi nêu trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết số nợ với ngân hàng là có căn cứ, được chấp nhận.

*Về yêu cầu các thành viên trong hộ gia đình liên đới trả nợ:* Ngân hàng yêu cầu: trong trường hợp bà Nguyễn Thị Tươi không trả được nợ số tiền nêu trên thì các thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Nguyễn Duy Phúc, sinh năm 1967; anh Nguyễn Duy Trường, sinh năm 1991 và anh Nguyễn Duy Trung, sinh năm 1994 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền là 62.335.881 đồng. Như đã đánh giá ở trên, chỉ có bà Tươi và anh Trường phải có nghĩa vụ đối với khoản nợ của ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Duy Phúc và anh Nguyễn Duy Trung cũng phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ngân hàng là không có căn cứ vì thời điểm giao kết hợp đồng, ông Phúc là chủ hộ không ủy quyền cho bà Tươi đại diện hộ vay vốn nên việc bà Tươi vay vốn không đại diện cho hộ gia đình, chỉ mang tư cách cá nhân. Anh Trường ký tên người thừa kế khoản vay. Do vậy, chỉ chấp nhận yêu cầu của ngân hàng như sau: trong trường hợp bà Nguyễn Thị Tươi không trả được nợ số tiền nêu trên thì anh Nguyễn Duy Trường có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền là 62.335.881 đồng.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam được chấp nhận nên bà Tươi phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, căn cứ vào các Điều 106, 107, 298, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 BLTTDS, Khoản 2 Điều 26 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề xuất: có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Thị Tươi phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với Ngân hàng chính sách xã hội, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi, tạm tính đến ngày ngày 06/02/2020 là: 62.335.881 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 45.000.000 đồng. Lãi trong hạn: 15.674.960 đồng. Lãi quá hạn: 1.660.921 đồng

- Bà Nguyễn Thị Tươi phải chịu tiền lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính đến ngày bà Tươi thực tế trả hết nợ cho NHCSXH.

- Trong trường hợp bà Tươi không trả được nợ số tiền nêu trên thì anh Nguyễn Duy Trường phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ngân hàng.

- Bà Tươi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

## Kiểm sát viên

**Nguyễn Thị Lan Hương**

#### IV. CÁC QUAN ĐIỂM THAM GIA DUYỆT ÁN

## 1. Quan điểm của Kiểm sát viên, chuyên viên

.....

•

**2. Quan điểm của Lãnh đạo viện**

.....

...

.....

...

.....

•

.....

...

.....

...

.....

•

.....

...

.....

...

.....

•

.....

...

.....

...

.....

•

.....

...

.....

...

.....

•

.....

...

.....

...

.....

•





